

VÔ MÔN QUAN

無門関

CHỮ VÔ CỦA PHƯƠNG ĐÔNG

Nguyên tác Vô Môn Quan: Vô Môn Huệ Khai

Dẫn nhập và chú giải: Nishimura Eshin

Bình luận: Giáo sư Akizuki Ryômin

Biên dịch: Nguyễn Nam Trân



Tăng Myôun (Minh Vân, 1115-1183) tọa thiền trên cây.

PHẦN III: TỪ TẮC 21 ĐẾN 30

Tắc số 21: Que cứt của Vân Môn (Vân Môn thi quyết)¹.

雲門屎橛

Bản tác:

Hòa Thượng Vân Môn², nhân có tăng hỏi:

-Phật là gì nhỉ?

Bèn trả lời:

-Que cứt khô!³

Bình Xướng:

Vô Môn nói rằng :

Có thể nói Vân Môn là người nhà cực nghèo, không dọn nổi một bữa cơm xoàng, công việc bận bịu chả tìm ra giờ rảnh để viết lách⁴. Xoay xở vớ được cái que ngoáy cứt về chống đỡ cửa nhà⁵ (môn hộ Thiên Tông) cho nên chuyện Phật Pháp hưng phế thế nào thì cũng đã bày trước mắt.

Tụng:

Bèn có lời tụng:

Thiểm điện quang,

Kích thạch hỏa.

Tráp⁶ đặc nhãn,

Dĩ sa⁷ quá.

閃 電 光

擊 石 火

眨 得 眼

已 蹉 過

(Chớp điện nháng,

Đá lóe sáng.

Trong nháy mắt,

Đã mất dạng)⁸

¹ Thoại này có trong các sách Vân Môn Quảng Lục, Đăng Hội Nguyên quyển 15, chương nói về Vân Môn Văn Yên.

² Tiểu sử Vân Môn xin xem chú thích của tác15.

³ Các lời thuyết minh thường cho là que để ngoáy cứt nhưng trong Thiên Ngữ Từ Điển, các tác giả Iriya và Koga giải thích “can thi quyết” là “cứt đã khô có hình thù dài như cây gậy”. Đây cũng là ý kiến của cả Eshin lẫn Ryômin.

⁴ Nguyên văn là “thảo thư”, có thể hiểu là biên soạn nói chung chứ không cứ gì là thư tín.

⁵ Ý nói đem một thân đảm đương để chống đỡ môn phái để Phật pháp tiếp tục tồn tại. Cũng có thể muốn nói đã tìm ra một lối định nghĩa độc đáo về Phật.

⁶ Tráp nhãn: trong nháy mắt, chớp mắt.

⁷ Sa quá, tha quá: (thời gian) trôi qua mất.

⁸ Có thể hiểu là thiên cơ “Que cứt khô” nhanh như điện lóe vì làm người ta chơi với, nếu không nắm bắt kịp nó sẽ

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

Khi có tăng hỏi:

- Phật là gì?

Thiền sư Vân Môn Văn Yên bèn trả lời:

- Thanh (cục) cắt khô!

Đối với thiền sư lẫn thiền sinh, cách xếp đặt công án Vân Môn Thi Quyết này vào loại nào chưa được thống nhất. Kẻ chủ trương thiền là kiến tính xem nó thuộc loại bàn về pháp thân (dharma-kaya)⁹. Có sư gia xếp nó vào nhóm “ngôn thuyên” (verbal expression) vì cho rằng trong đó có đặc tính “ngôn cú mật diệu” (yếu quyết thể hiện qua những câu nói bí ẩn) của tông phái Vân Môn. Ở một vài thất, người ta dùng tắc này để giảng về tính “hướng thượng” (non-attachment¹⁰) nhưng chữ hướng thượng không với cái nghĩa “hướng lên cao hơn” mà là “nằm ở hướng trên” như trong ngôn ngữ nôm na hằng ngày. Gọi chính xác hơn, đây là “Phật hướng thượng” (non attachment in Buddha) nghĩa là “nằm ở phía trên Phật”. Trong giới thiền, hay nói câu: “Nghe một tiếng Phật thôi đã là làm bần lỗ tai!”, hơn thế, “Mở miệng nói chữ Phật, phải súc miệng ba ngày cho sạch”.

(Một thí dụ khác (về những sự bất đồng ý kiến): thiền sư Hakuin (Bạch Ân) cho tắc 35 Thanh Nữ Ly Hồn (Người đẹp lia hồn) thuộc loại “nan thấu” (khó thông suốt, those difficult to pass through) nhưng tôi lại sắp nó vào nhóm “pháp thân”. Nhân đây cũng nhắc thêm rằng trong lời biện luận về Bát Nan Thấu (Tám cái khó thông suốt) của Hakuin, trong tắc Bạch Vân Vị Tại (Bạch Vân chưa có)¹¹, thiền sư tỏ ra không phân biệt “nan thấu” với “hướng thượng”).

Tôi dịch nguyên văn “can thi quyết” thành “ thanh (cục) cắt khô”. Theo các cổ chú thì chữ này có nghĩa là một dụng cụ như cái que dài, được vạt bằng và nhọn để ngoáy cắt (có thể ngoáy son, ngoáy bột hồ nữa, LND), các chú mới thì cho là que để gạt sạch cắt khô. Ngày nay, giáo sư Iriya Yoshitaka sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng đã đi đến kết luận, đây không phải là que mà chính là cắt đẩy (nguồn: Tạp Chí Toshô, số tháng 7 năm 1985).

Có người bảo việc nghiên cứu về tắc này giúp người ta đi đến chỗ giác ngộ như Phật vì Phật là Đấng Giác Ngộ, kẻ bảo nó dẫn thiền sinh tiền gần tới cảnh giới của “cái nằm bên trên Phật” theo quan điểm “Phật hướng thượng”. Rồi lại có người đỉnh ninh đây là chìa khóa không thể thiếu được để mở cửa vào Vân Môn Tông. Nhưng cách hiểu nào cũng thuộc loại “bệnh thiền” cả (khi thiền hãy còn giới hạn “nhất sư nhất hữu” trong một thất). Vậy mới thấy việc tham thiền rộng rãi, giao lưu với các tông phái khác, trong các thất khác (biến tham, lịch tham) là điều quan trọng hơn cả.

biến mất ngay (DĐH).

⁹ Xin xem lời phân loại trong bài nói về hệ thống thiền của Hakuin ở phần Phụ Lục.

¹⁰ Đúng về mặt ngôn ngữ, Hướng thượng mà dịch là Non attachment (Không Dính Chấp) thì không sát nghĩa nhưng xin hiểu theo ý tôn giáo Ryômin muốn nói. Đối với ông, nghĩa đó là không vương cái xiềng vàng buộc mình vào đức Phật của một người tự cho đã hiểu Pháp mà không cầu tiến nữa (Phật thân kim tòa, Pháp kiến kim tòa).

¹¹ Giống với chú trên (tắc 17 trong Phụ Lục).

Tác số 22: Trụ cờ của Ca Diếp (Ca Diếp sát can)¹².

迦葉刹竿

Bản tác:

Có hôm, A Nan¹³ hỏi Ca Diếp¹⁴:

- Đức Thế Tôn (Thích Ca Mâu Ni) ngoài tám áo (cà sa dệt bằng tơ) vàng, có truyền lại gì cho sư huynh không?

Nghe thế, Ca Diếp mới lên tiếng gọi:

-Này, A Nan!

An Nan đáp:

-Vâng!

Thì lúc đó, Ca Diếp bảo:

-Thôi, hãy ra hạ cây cờ hiệu (của ta) đang cắm trước cửa xuống!

Bình Xướng:

Vô Môn nói rằng:

Nếu trong tình huống như thế này, thốt được một lời chuyển mê khai ngộ thân ái (như Ca Diếp đã làm) thì sẽ thấy rằng đám đông tụ tập nghe buổi giảng pháp ngày nọ trên núi Linh Thứu¹⁵ hãy còn tiếp tục quây quần bên nhau. Nhược bằng không nghĩ ra một lời cho đúng, thì có lẽ dầu dộc lòng tu hành từ thuở xa xưa như Phật Tỳ Bà Thi¹⁶ (vị cô Phật trong quá khứ, trước cả Phật Thích Ca), đến lúc này (tâm) vẫn chưa có thể đạt được diệu cảnh của sự giác ngộ.

Tụng:

Bèn có lời tụng:

Vấn xú hà như đáp xú thân

Kỷ nhân ư thử nhãn sinh căn¹⁷.

Huynh hô đệ ứng dương gia xú¹⁸,

Bất thuộc âm dương biệt thị xuân.

問處何如答處親

幾人於此眼生筋

¹² Thoại này chép trong Ngũ Đăng Hội Nguyên quyển 1, chương nói về A Nan. Cách thức truyền thụ thiền bằng tâm nhãn ở đây giống như những gì đã mô tả trong tác 6 Thế Tôn Niêm Hoa và tác 13 Đức Sơn Thác Bát. Thiền sư Hoàng Bá Hy Vận cũng đã nhắc đến thoại này trong Dĩ Tâm Pháp Yếu của ông. Sát can có nghĩa là cây phan (cờ hiệu) cắm trước cửa chùa báo tin có cuộc giảng pháp.

¹³ A Nan, lược âm Hán của tiếng Phạn *Ananda* (A Nan Đà), dịch ý thành Khánh Hỷ, Vô Nhiễm. Một trong 10 đại đệ tử của Phật Đà, xưng hiệu Đa Văn Đệ Nhất. Tổ thiền thứ 2 ở Tây Thiên (sau Ca Diếp). Tiểu sử xem Tô Đường Tập quyển 1, Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 1 vv...

¹⁴ Xem chú ở tác 6.

¹⁵ Về pháp hội trên Linh Thứu, xem tác 6 Thế Tôn Niêm Hoa.

¹⁶ Tỳ Bà Thi Phật, chữ Phạn là Vipasyin, dịch ý thành Tĩnh Quán, Thắng Quán. Vị Phật đầu tiên trong các vị Phật trong quá khứ, trước cả Thích Ca rất xa. Truyện có trong các quyển 1 của Tô Đường Tập và Cảnh Đức Truyền Đăng Lục.

¹⁷ Banh cả gân mắt nhìn cho thật kỹ.

¹⁸ Dương gia xú: bày ra cái thói tha của gia đình, tập thể. Tuy nhiên ở đây Vô Môn chỉ mắng yêu theo kiểu đề xuống để nâng lên, lối sáo ngữ “ức hạ thác thượng” quen thuộc của thiền gia.

兄呼弟應揚家醜
不屬陰陽別是春

(Hỏi, đáp, so đi! Bên nào thân?
Banh trông, đoán được ý sâu chăng?
Anh hô em dạ, nhà sao thối,
Chẳng thụ âm dương vẫn cõi xuân¹⁹).

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

Sau khi A Nan, sau là tổ thứ hai ở Tây Thiên, lúc ấy “coi như” đã ngộ đạo rồi, đến gặp tôn giả Ca Diếp tức là vị sơ tổ, để hỏi rằng ngoài chiếc áo cà sa dệt bằng tơ kim lan, Đức Thế Tôn có truyền lại gì nữa không thì Ca Diếp chỉ thân ái gọi tên ông. Bất chợt A Nan đã dạ. A Nan vô tâm dạ xong bỗng nhận ra khi đáp lời, ông đã biểu lộ được cái “tự kỷ vô tướng” và “Phật” tính. Gọi là Thiền Đạo Phật Giáo đi nữa, ngoài cái đó cũng không có gì khác.

Sau đó, Ca Diếp bảo A Nan hãy ra hạ cây cờ hiệu ngoài sân. Từ khi đạo Phật còn ở bên Ấn Độ, đã có tục lệ dựng cây sát can (cờ hiệu) mỗi lúc giảng kinh. Cho nên khi Ca Diếp bảo “Hãy hạ cây cờ hiệu của ta đi!” là muốn nói với A Nan, nay ngươi đã đại ngộ, có thể thành vị tổ thứ hai, nên từ hôm nay, ta sẽ lui bước, không còn thuyết pháp nữa. Ông như muốn bảo: Cờ hiệu của ta không cần thiết nữa. “Tiệm” ta đã đóng, đến lượt ngươi “khai trương”.

Tuy nhiên, ở trong thất, người ta lại suy gẫm về công án này một cách khác. Con người khi đã giác ngộ để “thành” Phật rồi thì tâm trí hay bị ô nhiễm vì cái ý thức “Ta là một vị Phật”. Cũng như lúc nghiên cứu một công án và đắc pháp rồi thì lại nuôi ý tưởng thừa thãi: mình là người đã đắc pháp. Ngày nay, tông Lâm Tế (kể cả tông Hoàng Bá) có tổng cộng 3.400 cảnh chùa (ở Nhật). Nếu xem số tăng lữ cũng bằng số chùa thì mới thấy rằng trong đám đó, có khoảng hơn 80 vị là “sư gia phân thượng” nhận được ấn khả “đại sự liễu tất” (các đề tài lớn đã xong hết) nghĩa là đã tu hành đầy đủ các công án của thiền sư Hakuin. Còn như những cư sĩ không có thiền tịch mà tu chứng được “đại sự liễu tất” lại còn thừa thớt hơn nữa. Do đó, những người được dự phần vào nhóm ưu tú đó sẽ có kẻ đâm ra nghĩ mình vượt trội hơn người.

Thế nhưng, khi là người hãy còn chấp vào “Phật kiến, Pháp kiến”, cho dù cái chấp đó còn con như một sợi lông thô thôi thì vẫn chưa thông suốt câu nói: “Dầu được thế chẳng nữa...” thấy trong công án “hương thượng” (nằm ở phía trên Phật) của Thiền sư Hakuin. Phật giáo vốn dạy “vô ngã”, cho nên dầu có thành Phật, đắc Pháp rồi mà còn gánh tất cả những thứ đó trên vai, sẽ rơi tức khắc vào trong “đại ngã”. Người xưa gọi đó là cái tai ách bị buộc vào sợi dây xích bằng vàng (kim tỏa nạn) và khuyên người tu hành hết sức chú ý. Nói là mình đắc Pháp, sung sướng được giải thoát khỏi cái xích sắt (thiết xích) của phiền não và vọng tưởng, ai ngờ bây giờ lại bị ràng buộc vào trong sợi xích vàng của Ngộ và Pháp. Nói gì thì nói, khi hãy còn một chút xíu tư niệm về tự ngã ở trong lòng mình thì chớ bàn đến cái “vô ngã chân thực” của Phật pháp. Do đó hòa thượng Vô Môn mới dạy rằng, nói chi Phật Thích Ca, ngay Phật Tỳ Bà Thi - vị cô Phật tu hành từ thuở xa xưa (cửu viên) - mà ngay bây giờ (tức kim) không ngộ đạo một cách đúng đắn (đắc chân ngộ) thì công tu hành muôn kiếp của ngài cũng chỉ là vô ích.

¹⁹ Một cõi xuân vĩnh viễn, tuyệt đối vì không thuộc thế giới tương đối của nhị nguyên (còn có âm dương).

Tác số 23: Mặt mũi chính mình (Bất tư thiện ác)²⁰

不思善惡

Bản tác:

Lục Tổ²¹ bị Minh Thượng Tọa²² đuổi theo sau cho đến rặng núi Đại Dữu²³. Khi nhìn thấy bóng của Minh Thượng Tọa, Lục Tổ mới đem y bát²⁴ (pháp y và trì bát) nhận từ Ngũ Tổ ném vút lên một tảng đá:

-Đây là y bát tượng trưng cho việc truyền thừa pháp tự, không phải là vật có thể dùng võ lực chiếm đoạt được đâu. Nếu ông muốn, có thể lấy cả mang đi!

Lúc ấy, Minh Thượng Tọa mới cầm lấy chúng nhưng không tài nào giở lên nổi vì nặng như quả núi. Ông ta chân chừ, nên sợ hãi, thưa:

-Tôi đuổi theo ông là vì muốn học Pháp (tìm chân lý) chứ đâu phải vì áo xống. Huệ Năng ơi, xin ông (hành giả²⁵) chỉ cho Minh tôi con đường để khai ngộ!

Lúc đó, Lục Tổ mới nói:

-Thế chứ khi nào bỏ qua một bên sự phân biệt thiện, ác rồi, hỏi Minh Thượng Tọa có nhìn thấy con người thực xưa nay của ông không?

Ngay lúc đó, Minh Thượng Tọa bèn đại ngộ. Minh mấy đắm mê hội, nước mắt đầm đìa, ông ta nắm phục xuống đất làm lễ, và hỏi:

-Những bí quyết mà ông chỉ dạy cho Minh tôi, ngoài ngôn ngữ và ý nghĩa nội dung của nó, chắc hẳn còn có gì cao sâu hơn nữa chứ ạ?

Lục Tổ mới nói:

-Ngay cả những điều tôi vừa bảo ông cũng chẳng có gì gọi là bí mật cả. Nếu bản thân ông chịu khó tự thử tìm cách nhìn lại con người thực xưa nay của ông, thì sẽ thấy được sự bí mật vốn đã có sẵn trong ông rồi.

Minh Thượng Tọa bảo:

-Tôi cũng là học trò (vân thủy) của Ngũ Tổ ở Hoàng Mai Sơn²⁶ như các ông, tu hành cùng với chúng tăng, mà sao đến nay, vẫn chưa nhìn thấy được hình ảnh con người thực sự của mình. Thế nhưng giờ đây, tôi đã được ông chỉ dạy nó là cái gì. Lần đầu tiên, khi uống nước đã tự thể nghiệm nóng lạnh thế nào. Bây giờ xin cho phép thờ ông làm thầy.

Lục Tổ nghe như thế, mới giải thích:

-Ông cũng thờ Ngũ Tổ Hoàng Nhãn Lão Sư làm thầy (học hành như chúng tôi thôi) thì cứ thế mà giữ nguyên vẹn tâm cảnh ấy đi!

²⁰ Thoại này nằm ở trong Tào Khê Đại Sư Biệt Truyện và Lục Tổ Đàn Kinh. Đã là một trong những công án nói về sự truyền thừa Thiền tông.

²¹ Lục Tổ tức ngài Đại Giám Huệ Năng (638-713), nhận pháp tự của Ngũ Tổ Hoàng Nhãn (602-675), và trở thành tổ đời thứ 6 của dòng thiền Trung Quốc. Ông đã sáng xướng ra kiểu tu thiền theo phương pháp đốn ngộ dựa trên trí tuệ Bát Nhã, xác định được chỗ đứng của thiền Trung Quốc, và như thế, phủ nhận tọa thiền chủ nghĩa theo truyền thống đến từ Ấn Độ. Tiểu sử xin xem Tào Khê Đại Sư Biệt Truyện, Tô Đương Tập quyển 2, Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 5. Tư tưởng của ông gói ghém trong Lục Tổ Đàn Kinh.

²² Minh Thượng Tọa tức Mông Sơn Huệ Minh (còn gọi là Đạo Minh, không rõ năm sinh năm mất). Thiền sư đời Đường, tiểu sử có chép trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục. Cũng được nhận pháp tự từ Hoàng Nhãn.

²³ Đại Dữu Lĩnh, rặng núi bắc ngang qua hai tỉnh Quảng Đông và Giang Tây. Vùng phía bắc của nó gọi là Lĩnh Bắc, phía Nam gọi là Lĩnh Nam. Trên núi nhiều mai cho nên còn gọi là Mai Lĩnh. Lại có tên khác là Đài Lĩnh.

²⁴ Lục chữ “tam y nhất bát”, đồ dùng tối thiểu của một nhà tu. Tam y là đại y, thất điều y và ngũ điều y. Bát là bát vu, thực khí đựng cơm. Y bát tượng trưng cho Phật Pháp. Truyền y bát cũng là truyền pháp cho học trò ruột.

²⁵ Hành giả là người không thành tăng sĩ, chỉ sống, tu hành và làm tạp dịch trong chùa. Vai trò tục nhân khiêm tốn của Lục Tổ khi chưa được Hoàng Nhãn truyền pháp tự)

²⁶ Ngọn núi nằm ở nơi tiếp giáp hai tỉnh Giang Tây và An Huy, thuộc vùng trung lưu sông Dương Tử. Nơi đây là cứ điểm của Đông Sơn pháp môn do Tứ Tổ Đạo Tín (580-651) và sau đó là Ngũ Tổ Hoàng Nhãn lãnh đạo. Khi gọi Hoàng Mai không thôi tức là trở Ngũ Tổ Hoàng Nhãn.

Bình Xương:

Vô Môn nói rằng:

Có thể phê bình nhân vật gọi là Lục Tổ này như sau: Những lời ông ta dạy bảo Huệ Minh là do cái máy động khi gặp bước đường cùng²⁷ không biết tính sao. Có thể gọi đây là lòng tốt thực thà của mấy bà lão. Như thể lấy quả vải tươi, bóc vỏ từng cái, lại lấy cả hạt ra xong, bỏ vào mồm trẻ con. Rồi nghĩ rằng từ đó, đứa bé chỉ có việc nuốt ực mà thôi.

Tụng:

Bèn có bài tụng:

Miêu bất thành hê, họa bất tựu,
Tán bất cập hê, hưu sinh thọ²⁸.
Sinh lai diện mục một xứ tàng,
Thế giới hoại thì cừ²⁹ bất hủ.

描不成兮畫不就
讚不及兮休生壽
本來面目沒處藏
世界壞時渠不朽

(Tả không tả được, họa nên chi,
Tụng chẳng thành câu, bút vứt đi.
Trời cho “bản mặt” làm sao giấu,
Thế giới tiêu tan, “hắn” vẫn ì).



Truyền lai nhất bát kỷ đa nản...
(Một bát thầy truyền trái lăm tai)

Thơ đề trên Lục Tổ Đồ của Hòa thượng Vô Học Tổ Nguyên (1226-1286)

²⁷ Nguyên văn “sự xuất cấp gia”, bán quá làm vội làm vàng.

²⁸ Sinh thọ là lao khổ, bỏ công khó. Nói cách khác, ở đây “hưu sinh thọ” có nghĩa cảm ơn (ai) đã giúp đỡ, nhưng không dùng tới nữa.

²⁹ Cừ: đại danh từ chỉ ngôi thứ ba, như chữ “y”, “hắn”. Thiền gia thường dùng để tự nói về con người chân thực của mình. Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 15, chương về Động Sơn Lương Giới có câu: Cừ kim chính thị ngã. Ngã kim bất thị cừ (“Hắn” bây giờ chính là ta nhưng ta không phải là “hắn”).

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

Lục Tổ Huệ Năng chỉ là một người thế tục cho đến khi được thầy cho lên địa vị tổ sư. Trong Phật giáo có “phật vị”, Thiên tông có “tổ sư vị”. Thế nhưng trong Thiên tông, để phong chức vị, họ không phân biệt người thế tục với tăng sĩ, miễn là kẻ đó ngộ đạo. Lúc Lục Tổ bỏ đi rồi, Ngũ Tổ không giảng Pháp nữa và khi có nhiều người hỏi tại sao, ông cho biết: “Đạo của ta đã dời xuống phương Nam”. Hành giả Huệ Năng như vậy đã nhận y bát truyền từ đời thứ nhất ở Đông Độ là Tổ Sư Đạt Ma. Vì một người thế tục đem y bát, vật báu làm tin, của tông môn ra đi nên các học trò khác mới tất tả đuổi theo.

Nhiều người cùng đuổi nhưng chỉ có Thượng tọa Huệ Minh, kẻ xuất thân võ tướng, chân cẳng cứng cáp hơn cả, một mình bắt kịp Huệ Năng ở Đại Dữu Lĩnh. Tôi nghĩ dĩ nhiên Huệ Minh có đủ sức mạnh để nhặt y bát để trên tảng đá nhưng có lẽ trước khi đưa tay ra, ông đã bị trấn áp bởi nhân cách và đạo lực của Huệ Năng, đâm ra do dự, khiếp hãi, không làm chủ được mình đó thôi. Sau khi thất bại, ông mới trở về với con người chân thực, vô ngã, trình bày tấm lòng cầu đạo của mình. Huệ Năng đã chỉ ông phải biết vứt bỏ khái niệm đạo đức cũng như cái tâm phân biệt để tìm về bộ mặt xưa nay (bản lai diện mục) của mình. Bản lai diện mục có nghĩa cách “tự kỷ bản lai” tồn tại.

Trong đạo Phật, điều quan trọng vẫn là việc nhìn thấy rõ chính mình (tự kỷ cứu mình). Trước câu hỏi tiếp đến: “Cái tự kỷ đó là gì?” thì công án này đã trả lời: “Bản lai diện mục!”. Nói cách khác, đó là “bản lai tự kỷ” mà điều quan trọng của mỗi chúng ta là tự giác về nó vậy. Có lẽ nhờ đó Huệ Minh khám phá ra sự giác ngộ được Phật Pháp là như thế, và chính mình cũng là một vị Phật (chúng sinh bản lai Phật), nên sung sướng như được giải thoát, đầm đìa mồ hôi nước mắt, sụp xuống lễ Huệ Năng.

Thế nhưng vừa mới ngộ đạo, Huệ Minh muốn hỏi thêm vì nghĩ rằng hãy còn ý nghĩa thâm sâu gì mà mình chưa nắm. Huệ Năng đã vạch ra cho ông thấy không có gì là bí mật cả. Cái bí mật ấy, nếu có, chỉ một mình đương sự Huệ Minh thể nghiệm được mà thôi vì nó ở trong chính ông.

Tác số 24: Dẹp bỏ ngôn ngữ (Ly khước ngữ ngôn)³⁰.

離却語言

Bản tác:

Hòa Thượng Phong Huyệt³¹ nhân có tặng hỏi:

-Ngôn ngữ hay sự im lặng nguyên lai chỉ thể hiện được phân nửa cái li vi (sự chân thực)³². Phải làm thế nào để cho dù có nói hay nín thinh cũng không phạm lỗi và thể hiện thông suốt sự chân thực³³.

Hòa Thượng mới (mượn câu thơ Đỗ Phủ để) trả lời như sau:

-Trường ực Giang Nam tam nguyệt lý,

Chá cô đề xứ bách hoa hương.

(Giang Nam gặp lúc mùa xuân chín,

Nhớ mãi hương hoa, tiếng chá cô.)³⁴

Bình Xướng:

Vô Môn nói rằng:

Cái máy động (thiền cơ) nơi Hòa thượng Phong Huyệt như là ánh chớp, trong nháy mắt đã đến nơi phải đến. Dầu vậy, lưỡi ông ta chưa đoạn tuyệt được với câu nói của tiền nhân³⁵, thật đáng tiếc làm sao! Nếu các bạn nhìn thấu suốt được chỗ này, có thể phá được chấp, một mình tìm lấy con đường giải thoát. Nào, vừa mới tách khỏi phạm vi ngôn ngữ lý luận (của thiền gia), hãy thử diễn tả điều đó bằng một vần thơ xem sao!

Tụng:

Bèn có bài tụng:

Bất lộ phong cốt³⁶ cú,
Vị ngữ tiên phân phó.
Tiến bộ khẩu nam nam,
Tri quân đại võng thố.

不露風骨句
未語先吩咐
進步口喃喃
知君大罔措

³⁰ Thoại này có trong Ngũ Đẳng Hội Nguyên quyển 11 chương nói về Phong Huyệt Diên Chiếu.

³¹ Hòa thượng Phong Huyệt Diên Chiếu (896-973), thiền gia đầu đời Tống. Tổ sư đời thứ 4 tông Lâm Tế. Nhận pháp tự của Nam Viện Huệ Quả (860-930?). Tiểu sử chép Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 13, Ngũ Đẳng Hội Nguyên quyển 11. Có để lại Phong Huyệt Thiền Sư Ngữ Lục 1 quyển, lưu trong Cổ Tôn Túc Ngữ Lục.

³² “Li vi”, Ryômin dịch là “chân như”, còn Eshin dịch là “thực tại”.

³³ Nguyên văn “Nhu hà thông bất phạm”.

³⁴ Phong Huyệt mượn câu thơ này của Lão Đỗ để trình bày một thế giới (chỉ có chim hót, hoa đưa hương) vượt lên trên cả trầm mặc lẫn ngôn ngữ. Có người giải thích rằng “trường ực” là “trầm mặc” còn “chá cô đề” là “ngôn ngữ”.

³⁵ Bày tỏ ý tưởng của mình mà phải vay mượn lời nói của kẻ khác (tiền nhân là Đỗ Phủ).

³⁶ Phong cốt chỉ thi phong và cách điệu như thơ đời Ngụy, vốn có tính cách trữ tình cao. Phong Huyệt không muốn lộ phong cốt (ý thơ sâu) là không muốn sai phạm, rơi vào cái hạn chế của ngôn ngữ.

(Thầy Phong muốn dấu ý thơ sâu,
Chưa nói mà như giảng trọn câu.
Nếu thầy sấn tới, mồm leo leo,
Nhà bác thôi đành đêch biết sao!)

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

Nhân có tăng đến hỏi Thiền sư Phong Huyệt Diên Chiêu cách thể hiện thông suốt cái li vi (chân như) mà không phạm vào sai lầm (bất phạm) thiên về một bên nào bởi vì hai phương tiện mà con người có là ngôn ngữ (ngữ) và im lặng (mặc) đều chỉ diễn tả được sự chân thực một cách phiến diện.

“Ngôn mặc thiệp li vi” (Lời nói và im lặng đều khó dẫn đến sự chân thực) (thấy trong nguyên văn, LND) do câu nói trong sách Bảo Tàng Luận phần Li Vi Thể Tĩnh Phạm Đệ Nhị của pháp sư Tăng Triệu : “Phạm đi vào gọi là li, bước ra gọi là vi. Li là bản chất tuyệt đối của một vật, vi là hiện tượng muôn mặt của nó khi biến hóa”.

Li là “cứ” (chỗ ở) lúc “nhập”, vi là “dụng” (máy động) khi “xuất” nhưng cả hai đều là cách thể hiện của một “chân lý bản lai thanh tịnh” cho nên li vi không phải hai nhưng một. Chỗ bình đẳng, bản thể của vũ trụ (chân như), nơi đoạn tuyệt với tất cả sắc tướng gọi là “li”, còn như chỗ các sự dị biệt của các hiện tượng biểu lộ ra thì gọi là “vi”. Khi bình đẳng và dị biệt hòa nhập với nhau, chúng sẽ tạo thành một vật đồng nhất gọi là bản lai thanh tịnh (không) của chân như. Bản thể của vũ trụ, nói khác đi, cái chân như ấy, chính là li vi vậy. Tuy nhiên li vi không nên đọc là “li và vi” nhưng là “li-vi” đọc một hơi.

Như thế, câu hỏi của vị tăng trong công án có nghĩa là: “Nếu nói ra là đã “phạm” vào cái “vi”, còn giữ im lặng lại “phạm” vào cái “li”. Bề gì cũng chỉ có thể bày tỏ chân như một cách phiến diện. Xin dạy tôi cách thức thấu suốt được chân như mà “bất phạm” tức là không rơi vào một trong hai lỗi lầm nói trên”. Thay vì trả lời thẳng, thiền sư Phong Huyệt đã mượn ý thơ của Đỗ Phủ để gián tiếp truyền đạt tư tưởng của mình: “ Ta nhớ mãi vào tiết tháng ba ở Giang Nam, ở giữa chỗ chim giá cô kêu có trăm thức hoa tỏa hương thơm”. Phong cảnh đó là tâm cảnh giúp ta thấu suốt chân như mà không phạm phải sai lầm. Người Nhật ngày xưa thường bảo rằng hai chữ “trường ức” (nhớ mãi một việc đã qua) vốn có “tự nhãn” (là chữ có tính cách quyết định để phán đoán một câu thơ hay, dở). Về điều này, xin các bạn hãy hầu chuyện các sư gia trong thất để hiểu thêm!

“Li” với “vi” là vấn đề khá khúc mắc, trầy trượt cho người nghiên cứu Phật học (giáo tướng). Nếu muốn nói một cách đơn sơ, ta có thể gọi “li” là bình đẳng, là bản thể tuyệt đối, là “chân không vô tướng” và “vi” là “chân không diệu hữu” hay “diệu dụng”, “hiện tượng giới của tương đối, của dị biệt”. Chữ li-vi đọc liền một hơi có thể xem như cái “chân như vô tướng” của “bình đẳng tức³⁷ dị biệt”. Đó là nơi mà cả “ngữ ngôn tam muội” (ngôn ngữ lý luận) lẫn “mặc nhiên lương cửu” (trầm mặc nín thính) đều không thể đạt tới được.

³⁷ Chữ “tức” ở đây cùng lúc là “tức khắc” và “tức là” chăng? (LND).

Tắc số 25: Ngưỡng Sơn thuyết pháp tam tòa (Tam tòa thuyết pháp)³⁸.

三座說法

Bản tắc:

Hòa Thượng Ngưỡng Sơn³⁹ lúc đang nằm mộng thấy mình bay lên tới cõi trời Đâu Suất, đến chỗ Bồ Tát Di Lạc⁴⁰. Lúc đó, nơi ấy đầy ắp người, bèn ngồi xuống chỗ còn trống ở đệ tam tòa. Xong có một vị tôn giả cầm chùy nhỏ gõ một tiếng (kêu gọi mọi người chú ý) rồi bá cáo:

-Hôm nay đúng phiên đệ tam tòa thuyết pháp.

Ngưỡng Sơn bèn đứng dậy, gõ một tiếng chùy và nói:

-Phật Pháp Đại Thừa vốn hoàn toàn vượt qua ngôn ngữ⁴¹. Xin quý vị nghe theo, nghe theo!⁴²

Bình Xướng:

Vô Môn nói rằng:

Nói nghe thử xem, Hòa Thượng Ngưỡng Sơn (theo Eshin, chữ Ryômin dịch là “vị tôn giả này”) đã thuyết pháp hay chưa thuyết pháp? Mở miệng nói ra đã phạm phải sai lầm, còn như im lặng thì chẳng thành thuyết pháp (Ryômin dịch: “cả hai trường hợp đều đánh mất chân lý”). Nói vậy chứ, mở miệng hay khép miệng đều làm cho mình rời ra xa lác con đường của Phật mà thôi⁴³.

Tụng:

Bèn có bài tụng:

Bạch nhật thanh thiên,
Mộng trung thuyết mộng.
Niết quái niết không⁴⁴,
Cuống⁴⁵ hô nhất chúng.

白日青天
夢中說夢
捏怪捏怪
誑誑一眾

³⁸ Thoại này có chép trong Ngũ Đẳng Hội Nguyên quyển 9, chương nói về Ngưỡng Sơn Huệ Tịch nhưng thay vì viết “đệ tam tòa”, lại viết “đệ nhị tòa”.

³⁹ Ngưỡng Sơn Huệ Tịch (807-883), nhận pháp tự của Quy Sơn Linh Hựu (771-853), xác định được tông phong “Phụ tử xướng họa” do Quy Sơn thành lập. Tiểu sử có chép trong Tổ Đường Lục quyển 18 và Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 11. Sách để lại là Ngưỡng Sơn Huệ Tịch Thiền Sư Ngữ Lục.

⁴⁰ Di Lạc: âm Hán của Phạm ngữ *Maitreya*. Dịch ý là Từ Thị (Bậc nhân từ). Hiện tại vẫn còn là bồ tát, thuyết pháp cho các vị thần tiên trên trời Đâu Suất trong cõi Tịnh Độ. Theo lời tiên tri của Phật Thích Ca, Phật Di Lạc thọ tứ thiên tuế (ngang với 56 ức 7 nghìn vạn năm ở cõi trần), sau đó sẽ hạ sinh cứu độ chúng sinh.

⁴¹ Nguyên văn: Ma Kha diễn pháp ly tứ cú, tuyệt bách phi. Ma Kha (Phạm ngữ là *mahayana*) là “vật lớn để cưỡi”, dịch ý là Đại Thừa. Diễn pháp có nghĩa trình bày, khai triển về đạo. Về “Ly tứ cú, tuyệt bách phi”, xin xem lời bàn của Ryômin.

⁴² Nguyên văn: Đế thính! Đế thính! (Hãy nghe chân lý)

⁴³ Nguyên văn: Bất khai bất bế. Thập vạn bát thiên. Không đóng không mở miệng, xa rời mười vạn tám nghìn dặm.

⁴⁴ Tin vào sự vật quái gỡ mà hành động một cách quái gỡ.

⁴⁵ Cuống: nói dối.

(Giữa ban ngày ban mặt,
Trong mộng đem kể mộng.
Chuyện kỳ quái hồi ơi,
Định đánh lừa cả đống).

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

Hòa Thượng Ngưỡng Sơn là người đã cùng với tôn sư Quy Sơn Linh Hựu trở thành hai vị tông tổ của dòng thiền Quy Ngưỡng. Đời ngưỡng mộ đến nỗi xưng tụng ông là Ngưỡng Sơn Tiêu Thích Ca, đức Phật Thích Ca của Trung Quốc.

Công án này kể chuyện một giấc mộng của Ngưỡng Sơn. Hôm đó nằm mơ thấy mình đến chỗ ở của Di Lặc, đức Phật trong tương lai. Có một vị tôn tăng “bạch chùy” tức là dùng một cái dùi nhỏ (tiểu chùy) gõ vào mặt bàn gỗ (mộc đài, châm) để ra hiệu cho mọi người chú ý rồi nói trước chúng tăng: “Hôm nay đúng phiên đệ tam tòa thuyết pháp”. Ngưỡng Sơn cũng đứng dậy, cũng gõ chùy và rao: “Ma Kha diễn pháp: Ly tứ cú, tuyệt bách phi. Đế thính, đế thính!”. (Đạo lý Đại Thừa dạy rằng: Bỏ hết tứ cú và bách phi. Hãy nghe theo, nghe theo!). Có thể hiểu sơ dĩ ông nói được như thế vì đã được nghe vị tôn giả đó thuyết pháp như vậy trước đây rồi.

Ngưỡng Sơn kể chuyện đi thuyết pháp (hay đi nghe thuyết pháp?) vô hình trung đã coi như mình là một vị thần tiên, vào hàng thánh nhân. Ngũ Đăng Hội Nguyên chép rằng sau khi vị tôn giả nói chuyện xong, chúng tăng lần lượt bỏ ra về. Ngưỡng Sơn tỉnh dậy, đem kể giấc mộng cho thầy là Quy Sơn thì ông ấy mới nói: Từ dĩ nhập thánh vị (Con đã vào hàng thánh rồi!). Ngưỡng Sơn nghe thế bèn sụp lạy.

Còn “Ly tứ cú, tuyệt bách phi” (Rời khỏi tứ cú, cắt đứt với bách phi) là cách nói trong luận lý học Ấn Độ phủ định mọi hình thức biểu hiện của ngôn ngữ. “Tứ cú (4) là “nhất, dị, hữu, vô” (đồng nhất, dị biệt, có, không), mỗi cú đó lại chứa đựng nhau để sinh ra thập lục cú (16), xong phối hợp với “tam thế” tức là “quá, hiện, vị” (quá khứ, hiện tại, vị lai) để thành tứ thập bát cú” (48), thế rồi chia theo hai nhánh “vị khởi, dĩ khởi” (chưa có, đã sinh) để thành cửu thập lục cú (96), cộng với tứ cú đầu tiên (4) nữa thì thành bách cú (100). Tứ cú và bách phi tượng trưng cho các hình thức biểu hiện bằng ngôn ngữ, ví dụ các lối diễn tả bằng khái niệm và luận lý, phân tích.

Lời thuyết pháp của vị tôn giả (theo ý kiến của Ryômin, thì đây không phải là Ngưỡng Sơn thuyết pháp, ông ta chỉ lặp lại) ý nói: “ Pháp của nhà Phật là cái cắt đứt hoàn toàn (ly và tuyệt) khỏi ngôn ngữ, khái niệm, lý luận, phân tích. Nó là một điệu cảnh của thể nghiệm bát nhã mà lời nói không phải là phương tiện có đủ thể đạt đến (ngôn thuyên bất cập). Ngôn thuyên tức là sự biểu hiện bằng ngôn ngữ vậy.

Nói gì ra cũng dở. Không nói gì cũng dở. Mở mồm khóa miệng đều sai. Vì tất cả đều là việc làm (sở tác) của tự ngã. Đạo của Thiên là phải chết đi để sống lại”. Lúc tự ngã trống không, trở thành ngã phi ngã (hay phi ngã ngã) thì dù mở miệng khóa miệng hoặc không mở không khóa, vẫn có thể có vui với cái tâm cảnh tự do. Phật Pháp chỉ là sự hiển lộ của vô ngã. Ngộ được cái không (vô ngã), thức tỉnh được sẽ trở thành chân nhân (con người chân thực). Phật Đà (kẻ giác ngộ) mới là chân nhân, biết sống với cái ngã vô ngã.



Mai mốt nếu huynh tim chỗ tở, Chẳng hàng đồ nhậu cũng lâu xanh...
Dịch thơ quái tặng Ikkyuu (Nhật Hưu, Tông Thuần, 1394-1481)

Tác số 26: Hai tầng cuốn rèm (Nhị tầng quyển liêm)⁴⁶.

二僧卷簾

Bản tác:

Hòa Thượng Đại Pháp Nhân⁴⁷ ở Thanh Lương Viện⁴⁸, lúc chúng tăng nhân tham thiền trước giờ thu trai⁴⁹ đến phòng, không nói không rằng, trở tay ra chỗ rèm cửa. Lúc đó, hai tăng sĩ đồng thời bước về phía rèm và cuộn lên.

Thấy vậy, Hòa Thượng Pháp Nhân mới nói: “Một người được, một người mất!”.

Bình Xướng:

Vô Môn nói rằng:

Nói nghe xem, người nào được, người nào mất đây? Nếu lúc ấy mà có con mắt thứ ba nhìn thấu suốt sự vật (nhất chích nhãn hay tâm nhãn) thì có thể hiểu được chỗ thất bại (bại khuyết xứ) của ông hòa thượng Pháp Nhân tôn quý (Thanh Lương Quốc Sư) này trong sự phán đoán. Xin bỏ khuynh hướng tìm hiểu ai được, ai không (ai đúng, ai sai, ai hơn ai kém) như thế cho tôi nhờ⁵⁰!

Tụng:

Bèn có bài tụng:

Quyển khởi minh minh triệt thái không,
Thái không do vị hợp ngô tông.
Tranh tự từng không đô phóng hạ,
Miên miên mật mật bất thông phong.

捲起明明徹太空
太空猶未合吾宗
爭似從空都放下
綿綿密密不通風 .

(Nếu cuốn rèm lên sẽ thấy trời,
Trời Thiên chưa chắc hợp tông tôi
Nhìn cao chi mãi, thôi, buông xuống,

⁴⁶ Thoại này có chép trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 24 và Ngũ Đăng Hội Nguyên quyển 10, chương nói về Pháp Nhân Văn Ích.

⁴⁷ Tức Pháp Nhân Văn Ích (885-958), còn gọi là Thanh Lương Văn Ích hay Đại Tri Tạng Đại Đạo Sư, thiền tăng đời Đường, tổ của tông Pháp Nhân. Nhận pháp tự của La Hán Quế Sâm (857-928). Thông thạo giáo lý kinh Hoa Nghiêm, cho nên trong gia phong của tông thấy rõ ảnh hưởng kinh này. Có tác phẩm nổi tiếng Tông Môn Thập Qui Luận, bao gồm pháp ngữ, kệ tụng, chân tán, minh, chú... có đến vài vạn lời. Ngoài ra, còn để lại Đại Pháp Nhân Văn Ích Thiền Sư Ngũ Lục. Tiêu sử có chép trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 24 và Ngũ Nguyên Hội Đăng, quyển 10.

⁴⁸ Do Phạm ngữ *uposadha* nghĩa là thanh tịnh, sám hối tội lỗi.

⁴⁹ Cơm sáng ở các chùa thiền gọi là chúc vì dọn cháo, cơm trưa gọi là trai. Đây là buổi tu tập lúc đã quá chính Ngọ và chưa ăn trưa.

⁵⁰ Nguyên văn: thương lượng (hiệp nghị để tìm giải pháp cho hai bên cùng thỏa mãn).

Buồng kín như bưng, sừng mớ đời!)

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

Trước giờ trai tòa, khi các tăng tới vấn đạo, thiền sư Pháp Nhân chỉ đưa tay trở cái rèm treo ngoài cửa, không nói không rằng. Thấy hai tăng cùng ra cuốn rèm, ông buông một câu gọn lỏn: “Nhất đắc, nhất thất!” Dịch theo từng chữ một là: “Một được, một mất!”. Có nhà tu thiền suy diễn câu nói ấy ra là: “Một người đã đắc đạo, người kia không!” nhưng như thế là lầm. Hai chữ đắc/thất ở đây không nên hiểu theo nghĩa động từ “được” hay “mất” mà phải hiểu theo nghĩa hình dung từ là “tốt” hay “không tốt” và dùng nó với ý của thành ngữ “thị phi, đắc thất”. Nếu xét câu nói đó như một tôn chỉ thì lối hiểu này tương đương với nghĩa thứ hai của tôn chỉ. Hán ngữ là một thứ tiếng nước ngoài cho nên kiến thức về ngữ học rất cần khi đọc sách Thiền. Khi hiểu nghĩa thứ nhất (đắc/thất = được/mất) xong rồi phải tìm hiểu nghĩa thứ hai nếu để xem có sự đùa bỡn chơi chữ (niêm lộng) nào bên trong hay không.

Trai tòa là một qui định ở các tăng viện có từ bên Ấn Độ, ám chỉ bữa cơm chính trong ngày của các tăng. Lắm lúc, trước giờ cơm, chư tăng có thể đến vấn đạo thầy mình. Đây không có ý nghĩa gì đặc biệt. Chỉ có câu nói “Nhất đắc, nhất thất”, ngôn ngữ biểu hiện (ngôn thuyên) của Pháp Nhân khi thấy hai người học trò theo ngón tay trở của mình ra cuộn rèm là đặt cho ta vấn đề suy nghĩ mà thôi.

Lâm Tế Lục cũng chép lại một câu chuyện tương tự như sau: Một hôm, hai vị đệ nhất tòa của hai tăng đường đông và tây gặp nhau, đồng thời cất tiếng quát. Chúng tăng lấy đó làm vấn đề, đem hỏi Thiền sư Lâm Tế: Thưa, hai bên có bên nào hơn bên nào kém không? Lâm Tế mới trả lời: Dĩ nhiên hơn kém đã rõ. Nguyên văn lời của vị sư tổ được ghi lại là: Tân chủ lịch nhiên (Chủ khách đã rõ ràng). Thử hỏi qua câu đó, Lâm Tế đã muốn nói gì? ⁵¹

Hiểu công án này theo kiểu được/mất, đúng /sai, hơn/kém thì đang suy xét nó trong phạm vi tu dưỡng đạo đức tinh thần chứ không phải nói chuyện tôn giáo. “Đức” mà “được” rồi thì mọi chuyện coi như đã xong tất. Do đó, Vô Môn mới đề nghị dùng con mắt thứ ba (nhất chích nhãn) để hiểu. Đây là “tâm nhãn” hay con mắt nhìn dọc nếu đem so với hai nhục nhãn nhìn ngang của chúng ta. Nếu dùng tâm nhãn mà xem, theo Hòa thượng Vô Môn, mới thấy Thiền sư Pháp Nhân đã lộ cái yếu kém, thất sách của mình. Pháp Nhân “thất bại” ở chỗ nào thế? Có thể vì thế giới của người tu thiền không phải là thế giới của đắc thất, thiện ác, đồng dị. Phải làm cho tự ngã trở thành trống rỗng (không), rồi ở trạng thái vô ngã, mở con mắt thứ ba ra sống với sự “phân biệt bằng cái vô phân biệt” như một con người chân thực (chân nhân). Lúc đó thì mới hiểu cạn kẻ được thế giới.

Trong bài tụng, Vô Môn nói rằng: Khi cuốn rèm lên sẽ thấy bầu trời cao xanh không một gợn mây (minh minh triệt thái không), nhưng tông môn của chúng ta chưa đạt tới tâm cảnh trong sáng đó. Cái bình đẳng không có dị biệt là bình đẳng không tốt (ác bình đẳng). Vì vậy, cần phải hạ rèm xuống, trở lại tâm cảnh kín như bưng không thông gió (miên miên mật mật bất thông phong) của tông môn mình. Phủ nhận cái không của thái không, tức là vượt qua được tâm cảnh của Phật (Phật hướng thượng). Thiền thực sự (chân thiền) là sống bình thường như lời Mã Tổ Đạo Nhất (bình thường tâm thị đạo) chứ cứ coi mình đã ngộ tức là còn chưa ngộ vậy (ngộ liễu đồng vị ngộ).

⁵¹ Theo thiền ý, có lẽ hai ông đều thua vì hãy còn cái tâm phân biệt, tranh đua. Xin thỉnh giáo! (LND)

Tác số 27: Chẳng phải tâm chẳng phải Phật (Bất thị tâm Phật)⁵².

不是心仏

Bản tắc:

Hòa thượng Nam Tuyên⁵³ nhân có tăng đến hỏi:

-Thầy còn pháp nào chưa truyền cho người đời không?

Bèn trả lời:

-Có chứ!

Lúc đó, tăng lại tiếp:

-Dám hỏi pháp đó là pháp nào?

Nam Tuyên đáp:

-Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật⁵⁴.

Bình Xướng:

Vô Môn nói rằng:

Việc làm của Hòa Thượng Nam Tuyên giống như người bị hành hung phải dốc tuốt tuột gia tư điền sản mà đưa cho. Khổ thân (mệt nhọc)⁵⁵ như thế, (ích gì)?

Tụng:

Bèn có bài tụng:

Định ninh⁵⁶ tổn quân đức,
Vô ngôn chân hữu công.
Nhiệm tòng thương hải biến,
Chung bất vị quân thông.

叮嚀損君德
無言真有功
任從滄海變
終不為君通

(Tận tụy giảng hao đức,
Im lời mới có công.
Mai dù đời dâu biển⁵⁷,
Cũng đêch mách cho ông!).

⁵² Thoại này thấy chép trong Nam Tuyên Ngữ Yếu cũng như các sách Tổ Đường Tập quyển 16, Ngũ Đăng Hội Nguyên quyển 3, ở chương Nam Tuyên Phổ Nguyên. Nói chung, nó thường được dùng để đối lại câu Tứ Tâm tức Phật của Mã Tổ Đạo Nhất (709-788).

⁵³ Xem chú thích của tác 14.

⁵⁴ Vật ám chỉ chúng sinh chứ không phải đồ vật. Theo Đại Tạng Kinh 9 – 465 hạ, vật hay chúng sinh ý nói những “kẻ có thể mê lầm”.

⁵⁵ Nguyên văn : lang đang (léch thêch, uê oải, mệt mỏi).

⁵⁶ Định ninh tức làm gì với cả tấm lòng. Ở đây ý nói tận tụy rao giảng. Câu “Định ninh tổn quân đức” có trong Cổ Tôn Túc Ngữ Lục quyển 19, lược từ Đàm Châu Đạo Ngô Chân Hòa Thượng Ngữ Yếu (xem Vạn Tập Tạng 118-405 thượng).

⁵⁷ Thương hải biến vi tang điền (đời bể dâu, thay đổi lớn)

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

Theo Bích Nham Lục thì vị tăng đến hỏi đạo ngài Nam Tuyền trong công án này là Thiền sư Bách Trượng Hoài Chính.

Pháp mà chưa nói cho ai nghe là yếu quyết hãy còn để dành. Nói là nói vậy nhưng hỏi thử cái diệu cảnh mình thể nghiệm được thì làm sao giảng lại cho ai vì biểu hiện bằng ngôn ngữ không bao giờ đạt đến chỗ đó (ngôn thuyên bất cập). Lại có câu “Nhu Lai không giữ gì trong nắm tay cả” (Nhu Lai vô ác chưởng) nghĩa là Phật vốn không có điều nào là không thể giảng cho chúng sinh.

Còn nguyên lý “Bất thị vật”? (Không phải là chúng sinh). Vật phải hiểu là chúng sinh. Trong kinh Hoa Nghiêm, Dạ Ma Tiên Cung Bồ Tát Thuyết Yết Vị Đệ Thập Lục, có câu: “Tâm, Phật cập chúng sinh. Thị tam vô sai biệt” (Tâm, Phật và muôn loài. Là ba cái không khác). Lời phát ngôn của Nam Tuyền khẳng định ý kiến này.

Nếu chúng ta xem lại nguyên điển của công án này chép trong Truyền Đăng Lục thì chính Nam Tuyền đã nói như thế này: “Mã Tổ ở Giang Tây dạy Tức tâm tức Phật, thế nhưng lão Vương (Nam Tuyền tục danh họ Vương) không nghĩ như vậy. Phải là “Bất thị tâm, bất thị Phật, bất thị vật” mới được! Sao, ta nói có sai không?”. Lúc ấy, (hòa thượng) Triệu Châu, (học trò ông), sụp lễ rồi im lặng bỏ ra ngoài. Nam Tuyền lúc ấy nói: “Hắn là người đã hiểu được ý chỉ của lão tăng!”.

“Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật”. Ý nghĩa của công án này cũng giống như công án 34 Trí bất thị đạo (Trí không phải là đạo) và cũng có thể xếp vào loại công án luận về “tức phi”. A tức phi A thị danh A = A tức là phi A nên mới có tên là A. Bằng môi giới của sự phủ định, ta có thể khẳng định một vật là cái gì. Để hiểu rõ, xin xem thêm lời bàn của tác ấy.

Tác số 28: Xa mến thầy Đàm (Cửu hương Long Đàm)⁵⁸.

久嚮竜潭

Bản tác:

Một hôm, Đức Sơn⁵⁹ đến thỉnh giáo⁶⁰ Hòa Thượng Long Đàm⁶¹. Đến tối, hòa thượng mới bảo:

-Trời đã khá khuya, người cũng liệu xuống núi mà về.

Đức Sơn không biết làm sao bèn chào từ biệt⁶², cuốn rèm lên định ra ngoài. Nào ngờ bên ngoài đen kịt nên phải quày lại. Ông giải thích:

-Thưa, tại chung quanh trời tối quá!

Hòa Thượng Long Đàm mới thắp ngọn đèn đăng (ngọn đèn cầm tay⁶³, Ryômin dịch là đuốc chứ không phải đèn) rồi trao cho. Lúc Đức Sơn chực cầm lấy đèn, hòa thượng bỗng thổi tắt cái phụt. Lúc đó, Đức Sơn bèn ngộ đạo, kính cẩn cúi rạp chào Long Đàm. Hòa thượng mới hỏi:

- Nhà người ngộ được điều gì nào?

Đức Sơn đáp:

Từ ngày hôm nay trở đi, tôi sẽ không còn lạc lối trong những lời bàn (thiệt đầu) của các bậc hòa thượng thiền sư trong thiên hạ nữa.

Đến sáng hôm sau, khi lên bục giảng⁶⁴ thuyết pháp, Hòa Thượng Long Đàm mới nói:

-Giả sử⁶⁵ có một anh chàng rãng như rừng chông sắc, miệng như chậu máu, nhờ ai quật một gậy cũng chẳng thèm quay nhìn, thì kẻ ấy sẽ có ngày nào đó. một thân trên đỉnh cô phong (không cần nương tựa vào lời chỉ bảo của ai và không ai có thể đuổi kịp), dấy lên được mối đạo của chính mình (quân đạo).

Đức Sơn bèn đem bộ chú thích (sớ sao) kinh Kim Cương tùy thân và một bó đuốc lớn đến trước phòng giảng pháp, huơ qua huơ lại:

-Nghiên cứu giáo nghĩa (chư huyền biện) của đạo Phật nhiều bao nhiêu, khác gì khác gì ném một sợi lông vào trong không gian bao la. Dù nắm hết bí quyết (khu cơ) để sống sao cho khôn khéo ở đời, chẳng qua như một giọt nước xuống vực núi sâu mà thôi.

Nói xong, đốt hết sách chú thích, cáo từ thầy rồi xuống núi.

Bình Xướng:

Vô Môn nói rằng:

Khi Đức Sơn còn ở quê nhà, trong tâm trí nghĩ rất nhiều chuyện mà không làm sao nói được thành lời. Tự cho mình là kẻ sẽ đập tan được cái đám tu thiền theo lối “dạy thiền ở ngoài giáo nghĩa” (giáo ngoại biệt truyền) nên mới đem lòng phấn khởi, đi xuống phương Nam. Tuy nhiên, đến Lễ Châu⁶⁶, vào trong quán nước chè bên đường định ăn mấy thứ điểm tâm thì bà lão

⁵⁸ Thoại này có chép trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 14, chương nói về Long Đàm Sùng Tín, cũng như trong Ngũ Đăng Hội Nguyên quyển 7, chương Đức Sơn Tuyên Giám. Cửu hương: ái mộ từ lâu. Có vẻ hơi có ý mỉa mai Đức Sơn không thống nhất trong tư tưởng. Có nơi chép là Hương như âm hưởng.

⁵⁹ Xem chú thích tác 13.

⁶⁰ Thỉnh ích, chữ trong Lễ Ký chương Khúc Lễ và Luận Ngữ chương Tử Lộ. Trong làng thiền, đó là việc xin phép hỏi thăm tôn sư về các cô tắc công án để mình được tiến bộ.

⁶¹ Long Đàm Sùng Tín (không rõ năm sinh năm mất), thiền gia đời Đường. Thuộc dòng của Thanh Nguyên, nhận pháp tự từ Thiên Hoàng Đạo Ngô (748-807). Tiểu sử có trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 14 và Ngũ Đăng Hội Nguyên, quyển 7.

⁶² Nguyên văn: trần trọng (lời chào từ biệt)

⁶³ Nguyên văn: chỉ đăng (đèn làm bằng giấy, bản Eshin) hay chỉ chúc (đuốc giấy, bản Ryômin).

⁶⁴ Gọi là Tu Di Đàn trong pháp đường (chỗ giảng pháp).

⁶⁵ Theo Eshin, tuy viết “nãi trung” nhưng phải hiểu là “nếu phải nói đăng nào thì...” chứ không phải “trong đám các người).

⁶⁶ Địa danh nay thuộc Hồ Nam. Có từ điển dạy cách đọc là Phong nhưng chỗ đó thuộc Tứ Xuyên.

bán quán mới hỏi:

-Cái xe nhà thầy đang kéo, trong đó chứa kinh sách gì vậy?.

Mới trả lời:

-Đó là những sách chú thích kinh Kim Cương.

Nghे thế, bà lão lại hỏi:

-Trong cuốn kinh đó thế nào cũng có câu: Quá khứ tâm bất khả đắc. Hiện tại tâm bất khả đắc. Vị lai tâm bất khả đắc”.(Tâm có ba, tâm quá khứ, tâm hiện tại và tâm vị lai, đều không thể kiếm ra). Vậy nhà thầy điếm tâm là điếm cho cái tâm nào?”

Đức Sơn nghe mỗi câu đó mà cứng họng, miệng câm như hến. Dù xui lợ, Đức Sơn vẫn chưa tâm phục câu nói của bà lão, nên mới hỏi lại:

-Hình như chung quanh vùng này có nhiều vị cao tăng?

-Cách đây năm dặm có vị hòa thượng tên gọi Long Đàm.

Nghे bà ấy nói thế, Đức Sơn mới tìm gặp Long Đàm, trong tư thế của một người thua trận. Rõ ràng tiền ngôn (câu trước = thái độ dương dương tự đắc muốn tiêu diệt người ta lúc ở cố hương) hậu ngữ (câu sau = đối đáp nhũn nhặn với Long Đàm) của ông hoàn toàn không tương xứng. Còn Hòa Thượng Long Đàm vì quá yêu trẻ con (người trẻ và hăng hái học đạo như Đức Sơn) nên cũng không ý thức được hành vi xấu xa của mình. Biết Đức Sơn có chút mồi lửa (căn cơ để trở thành Phật), hấp tấp lấy nước bùn bắn dội từ trên đầu xuống, làm cho lửa kia tắt ngấm. Bình tĩnh mà quan sát, mới thấy cả hai ông đều đáng đem ra làm trò cười.

Tụng:

Bèn có bài tụng:

Văn danh bất như kiến diện,
Kiến diện bất như văn danh.
Duy nhiên cứu đắc ty không,
Tranh nại hạt khước nhãn tình.⁶⁷

聞名不如見面
見面不如聞名
雖然救得鼻孔
爭奈瞎卻眼睛

(Nghe tên đâu bằng gặp mặt,
Gặp mặt sao bằng nghe tên.
Dù thầy cứu mũi kia được,
Người trò bị béc, sao nhìn?)

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

Việc đọc trước lời bình xướng của Vô Môn là điều hay vì giúp ta dễ hiểu công án này.

Thiền sư Đức Sơn Tuyên Giám lúc chưa từ đất Thục xuất quan (ra cửa ải), coi Thiên Nam Tông như một nhóm Phật Giáo mới hưng thịnh và cung cách “giáo ngoại biệt truyền” của họ là một tà thuyết không hơn không kém. Do đó, ông ôm lòng căm phẫn, muốn ra tay tiêu diệt, hăm hở lặn lội xuống phương Nam. Thế rồi dọc đường qua đất Lễ Châu, chưa chi đã gặp lão bà, bị đập ngay một câu, choáng váng không trả lời được. Nhưng cũng nhờ lão bà dẫn lối, Đức Sơn đã đến gặp Hòa thượng Long Đàm và ở khúc này, ta mới thực sự bước vào bản tác.

⁶⁷ Mặt, mắt, mũi ...nhằm chỉ bán lại diện mục.

Có lẽ hôm ấy Đức Sơn đã bàn luận với Long Đàm không ngớt về kinh Kim Cương mà ông có kiến thức quảng bác vì đã đọc quá nhiều chú giải (sớ sao). Như thế cho đến thật khuya, lúc Long Đàm thấy nghe đã quá đủ, mời khéo ông ra về. Ông không về được vì trời tối như bung, Long Đàm cho đèn nhưng lại thổi phụt. Tối lại hoàn tối. Và lúc đó, Đức Sơn bỗng ngộ đạo (muốn tìm đường, phải tự mò mẫm mà đi, chớ đừng dựa vào đèn của ai, LND). Khi ông nói sẽ không còn lạc lối giữa những lời bàn trên đầu lưỡi của các bậc học giả trong thiên hạ nữa là lúc ông đã rõ “Tức tâm tức Phật” nghĩa là chân lý nằm trong bản thân chứ không phải vay mượn ở đâu cả. Như thế, ông đã chấp nhận đường lối “giáo ngoại biệt truyền” mà xưa nay ông chống đối.

Hành động dùng ngọn đuốc lớn đốt các chú sớ kinh Kim Cương trước giảng đường vào sáng hôm sau của ông chứng tỏ sự ngộ đạo nhưng cũng là sự thất bại của cá nhân Đức Sơn. Lời nói tiên hậu bất nhất cho nên ông chẳng đẹp được tà thuyết nào cả. Hòa thượng Vô Môn lại đánh cùm Long Đàm vào với Đức Sơn, cho rằng cả hai đều thất bại. Riêng Long Đàm vì quá yêu con trẻ cho nên dập tắt căn cơ thành Phật của Đức Sơn.

Tuy nhiên xin độc giả đừng tin vào lời chê bai ấy vì Vô Môn chỉ đạp hai thầy trò xuống để sau đó nâng họ lên (áp hạ thác thượng như mọi lần) mà thôi. Đó là phương pháp tu từ đặc sắc của Thiên tông.

Tác số 29: Không phải gió không phải phướn (Phi phong phi phan)⁶⁸.

非風非幡

Bản tác:

Nhân một hôm cây sát phan (cây cờ hiệu) ở ngôi chùa nơi Lục Tổ⁶⁹ dự pháp tòa (nghe giảng kinh) bay tung trong gió, có hai vị tăng thấy thế, một người mới bảo:

-Phướn động.

Người kia cãi:

-Gió động chứ!

Lời qua tiếng lại, không ai chịu ai. Thấy thế, Lục Tổ mới bảo:

-Xem kìa, không phải gió động, Cũng không phải phướn động. Chỉ có con tâm của hai thầy (nhân giả)⁷⁰ động mà thôi.

Nghe thế, hai tăng run sợ, da nổi gai ốc⁷¹.

Bình Xướng:

Vô môn nói rằng:

Không phải gió động, không phải phướn động. Ngay cả cái tâm (của Lục Tổ và những ai ngộ đạo, LND) cũng chẳng động nổi. Thế thì, Lục Tổ nhìn ở đâu vậy? (Phải nhìn ở đâu để rõ diện mục của Lục Tổ?) Nếu có người nào nghĩ được thấu suốt điểm này, hợp nhất với ý kiến của Lục Tổ, thì có lẽ sẽ hiểu rằng hai vị tăng như người đi mua sắt mà bắt được vàng. Dù vậy vì Lục Tổ (quá tử tế nên) không nhin cười được⁷² làm ông thành ra một kẻ đang diễn màn kịch vụng về⁷³.

Tụng:

Bèn có bài tụng:

Phong phan tâm động,
Nhất trạng⁷⁴ lãnh quá,
Chỉ tri khai khẩu,
Bất giác thoại đạo.

**風幡心動
一狀領過
只知開口**

⁶⁸ Thoại này có chép trong Tào Khê Đại Sư Truyện, Lục Tổ Đản Kinh cũng như Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 5, Ngũ Đẳng Hội Nguyên quyển 1 chương Lục Tổ Huệ Năng. Sau khi Lục Tổ nhận pháp tự của Ngũ Tổ Hoảng Nhẫn, về cố hương ở miền nam, 5 năm trời nấu mình trong phùng sán. Câu chuyện trên đây tương truyền xảy ra khi Lục Tổ đến giảng kinh Niết Bàn ở Pháp Tĩnh Tự tỉnh Quảng Châu. Theo Tào Khê Đại Sư Truyện thì chùa ấy là Ch� Chi Tự. Tào Khê Đại Sư Truyện kể rằng có đến 4 vị tăng tranh luận.

⁶⁹ Xem chú thích của tác 23.

⁷⁰ Nhân giả: tiếng gọi tôn kính dùng cho ngôi thứ hai.

⁷¹ Nguyên văn: tưng nhiên = sợ hãi, rợn tóc gáy, nổi da gà (hàn mao trác thụ)

⁷² Nguyên văn: nhĩn tuấn bất cảm = bất giác mỉm cười.

⁷³ Nguyên văn: lậu đậu = để lộ sự thất bại. Lục Tổ diễn một màn kịch diễn vụng về vì là người đạo pháp cao siêu như vậy mà đi đóng vai tục nhân để cho ý kiến (LND).

⁷⁴ Lệnh trạng. Ba chủ trương (phong, phướn, tâm) cùng là bị cáo.

不覺話鹽

(Gió, phướn, tâm đều động,
Tội ấy của cả bày.
Lục Tổ nói chi vậy?
Bồng dung bị lộ tây!).

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

Lục Tổ Huệ Năng sau khi dạy dỗ Huệ Minh ở Đại Dữu Lĩnh bèn trở về nam, sống một thời gian gọi là “thánh thai trường dưỡng”, nói cách khác nghĩa là tu hành sau khi đã ngộ đạo. Đến khi nghĩ rằng thiên cơ của mình đã chín chắn, nhân ở chỗ của Ấn Tông Pháp Sư gần đó có mở giảng tòa về Niết Bàn Kinh, Tổ bèn đến tham gia.

Lúc đó có hai tăng sĩ tranh cãi về gió hay lá phướn trên cây sát can, xem cái nào mới lay động. Khi Lục Tổ xen vào câu chuyện, hai tăng sợ hãi đến ớn lạnh chỉ vì thấy một tục nhân mà nói năng cao siêu như vậy. Câu chuyện đó sau đến tại Ấn Tông Pháp Sư, ông mới truyền giới để Lục Tổ trở thành tăng và từ đó Tổ hoằng dương Phật Pháp.

Hai vị tăng tranh cãi những chuyện không đâu (giống như đi mua sắt) mà tìm thấy được Pháp (chân lý) qua câu nói của Lục Tổ (thì có khác nào bắt được vàng). Thế nhưng cũng vì câu nói đầy lòng từ bi ấy mà Lục Tổ đã lộ chân tướng trước mặt Ấn Tông chẳng khác chi người đóng một màn kịch vụng về. Chỉ vì ông không nhịn cười được trước cuộc tranh cãi giữa hai tăng sĩ kia! Rốt cục, theo Vô Môn, cả ba đều đáng xấu hổ.

Tuy nhiên, lời bình ấy cũng là cách Vô Môn dùng để bày tỏ lòng biết ơn với Lục Tổ. Khi Lục Tổ bảo “tâm động” (tâm động dậy) và Vô Môn lại bảo “bất thị tâm động” (không phải tâm động dậy) thì thực ra, họ nói về hai chữ Tâm khác nhau. Cái tâm thứ hai (trong câu nói của Vô Môn) là “sự phân biệt của tự ngã”. Nó hãy còn đặt tương quan đối lập giữa gió và phướn. Cái Tâm thứ nhất (trong câu nói của Lục Tổ và cũng là cái Tâm của ông) là cái tâm lay động cùng gió phướn, cái tâm “vật ngã nhất như”. Tâm đã biến ngay thành gió phướn và khi gió phướn động thì tâm cũng động theo.

Tác số 30: Tâm tức là Phật (Tức tâm tức Phật)⁷⁵.

即心即佛

Bản tắc:

Có một hôm, Hòa Thượng Mã Tổ⁷⁶ nhân Đại Mai⁷⁷ hỏi:

-Phật là gì vậy?

Bèn trả lời:

-Tâm, ấy là Phật.

Bình Xướng:

Vô Môn nói rằng:

Nếu có người nào lĩnh hội được ngay lời dạy của Mã Tổ thì có thể mặc áo Phật, ăn cơm Phật, nói chuyện Phật, hành động như Phật và, cứ như thế ấy, anh ta là Phật. Dầu vậy, cái lão Đại Mai Pháp Thường này khéo dẫn dắt mọi người đến chỗ ngộ nhận khi dạy họ những điều sai trái⁷⁸ như thế. (Đại Mai ơi,) có biết tại sao chỉ cần mở miệng nhắc tới chữ Phật là cả ba ngày phải súc miệng không? Người mà thông hiểu Phật Pháp, mới nghe giảng đến câu kiểu như “Tâm, ấy là Phật” (Tâm, tức thị Phật), đã phải bịt tai, nhanh chân chạy trốn ngay thôi.

Tụng:

Bèn có bài tụng:

Thanh thiên bạch nhật,
Thiết ký tâm mịch.
Cánh vắn như hà,
Bão tang⁷⁹ khiếu khuất.

青天白日
切忌尋覓
更問如何
抱臙叫屈

(Dưới trời thanh, nắng sáng trong,
Ngu gì của cấm mắt công tìm hoài.
Lại đi hỏi Phật là ai,

⁷⁵ Thoại này có chép trong Mã Tổ Ngữ Lục. Đối ứng với tác thứ 33 Phi Tâm Phi Phật (Không phải tâm, chẳng phải Phật) cũng thấy chép ở đây.

⁷⁶ Mã Tổ Đạo Nhất (709-788), thiền tăng đời Đường. Học trò cháu (pháp tôn) ba đời của Lục Tổ. Khai tổ của tông Hồng Châu. Ông nhận pháp tự của Nam Nhạc Hoài Nhượng (677-744). Với những câu nói bất hủ “Bình thường tâm thị đạo”, “Tức tâm thị Phật”, đã xác định được chỗ đứng của Thiền Trung Quốc. Để lại “Mã Tổ Đạo Nhất Thiền Sư Ngữ Lục” 1 quyển. Tiêu sử chép trong Đường Văn Túy quyển 64, Tô Đường Lục quyển 14, Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 6 và Ngũ Đăng Hội Nguyên quyển 3.

⁷⁷ Đại Mai Pháp Thường (752-839), người nhận pháp tự của Mã Tổ Đạo Nhất. Để lại “Đại Mai Pháp Thường Thiền Sư Ngữ Lục” 1 quyển. Tiêu sử chép trong Tô Đường Lục quyển 15, Cảnh Đức Truyền Đăng Lục quyển 7 và Ngũ Đăng Hội Nguyên quyển 3.

⁷⁸ Nguyên văn : thác nhận Định Bàn Tinh (nhìn lầm dấu của ngôi sao ở đầu cán của chòm sao Thiên Bình) nghĩa bóng: cố bám víu vào điều không cần thiết. Ở đây điều ấy ý nói câu hỏi “Phật là gì?”

⁷⁹ Bão tang: ôm lấy tang vật.

Tay ôm tang vật, cổ dài kêu oan!

Lược dịch lời bàn của Giáo sư Akizuki Ryômin:

Tương truyền trong đám môn hạ của Thiền Sư Mã Tổ Đạo Nhất có đến hơn 80 thiện trí thức (kẻ có năng lực chỉ đạo). Mã Tổ là một đại sư tiêu biểu cho thời Thiền học hưng thịnh nhất ở Trung Quốc. Về các cao đồ của ông, ta có thể kể tới những tên tuổi như Bách Trượng, Nam Tuyền, Diêm Quan, Ma Cốc và Đại Mai Pháp Thường.

Nhân một hôm, Đại Mai đưa ra câu hỏi: “Nhu hà thị Phật?” và tôn sư đã trả lời: “Tức tâm thị Phật!” Ta thấy có hai chữ “tức” trong cái tựa đề “Tức tâm tức Phật” của công án. Chữ “tức” thứ hai là một tiếng phó từ (chỉ trạng thái) có nghĩa “cứ như thế”. Nhân vì “thị” là một hệ từ (để móc nối) được hiểu đơn thuần như “là” cho nên câu trả lời của Mã Tổ có thể hiểu: A cứ như thế là B (A tức thị B) (Tâm tức thị Phật). Còn chữ “tức” thứ nhất là một tiếng để giới hạn và cường điệu chữ “tâm” theo sát đằng sau nó. “Tức tâm” hàm ý “không gì khác hơn cái tâm, chính cái tâm”. Mã Tổ muốn giải thích: “Chính cái tâm với tất cả tích, dục, tăng, ái là Phật đây!”. Nó không khác mấy may với những kiểu nói: “Phiền não tức bồ đề”, “Sinh Phật nhất như” (chúng sinh với Phật là một) hay “Bình thường tâm thị đạo”. Sau khi nghe xong lời thầy, Đại Mai tức khắc nhìn thấy hiệu quả của bao năm khổ công tu hành. Giống như những gì đã xảy ra giữa thầy trò Sơ Tổ Đạt Ma và Nhị Tôn Thần Quang (xem tấc 41 Đạt Ma an tâm), thầy trò Mã Tổ và Đại Mai nơi đây cũng đã đạt đến chỗ an tâm, ý khí hợp nhất, tự giác được “diệu tâm”.

Về sau, Đại Mai vào ở ẩn trong Đại Mai Sơn, ra sức thánh thai trường dưỡng (tu hành sau khi liễu ngộ). Nhân lúc trong đám môn đệ (hội hạ) theo học Thiền Sư Diêm Quan Trai An có một tăng sĩ lạc lối trong núi, tình cờ bắt gặp một kẻ giống như người rừng đang tọa thiền. Sau đây là cuộc vấn đáp giữa hai bên:

Hỏi: Hòa thượng vào núi này đã được mấy năm rồi?

Đáp: Ta chỉ nhìn thấy núi bốn bên lúc xanh, lúc ngả vàng thôi.

Hỏi: Từ nơi đây ra thôn xóm, phải đi đường nào?

Đáp: Cứ lần theo dòng nước mà đi.

Tăng sĩ đó sau trở về kể chuyện với thầy. Diêm Quan biết ngay rằng người rừng hẩn là Pháp Thường, đồng môn với mình ở cửa Mã Tổ mà từ khi vào ở ẩn trong Đại Mai Sơn, không có tin tức. Ông mới dặn học trò đi tìm một lần nữa, mãi về sau, Đại Mai mới xuống núi, bắt đầu ra tay cứu độ chúng sinh.

Câu chuyện đến tai Mã Tổ. Ông mới gửi một ý chỉ qua người học trò và bảo anh ta đi gặp Đại Mai. Hỏi rằng:

-Tôi nghe hòa thượng xưa tham thiền ở cửa Mã Tổ và đã ngộ đạo. Thế thì ngày nay đã thể đắc gì rồi và nói cho kẻ khác nghe được chăng?

Đại Mai đáp:

- Xưa Mã tôn sư khi ta đặt câu hỏi, đã trả lời “Tức tâm tức Phật”. Bây giờ thì ta sống trong núi này thôi.

Tăng lại hỏi:

-Thế nhưng gần đây Mã đại sư lại giảng pháp cách khác. Không dạy “Tức tâm tức Phật” nữa mà dạy “Phi tâm phi Phật (xem tấc 33 Phi tâm phi Phật) cơ đây!

Nghe thấy thế, Đại Mai mới nói:

-Lão già ấy bây giờ lại còn đặt điều như thế để lừa bịp thiên hạ đây phỏng? Lão muốn nói gì thì mặc, ta chỉ một đường theo “Tức tâm tức Phật”!

Mã Tổ nghe thuật chuyện, bảo rằng:

-Thế sao? Hấn nói thế à? Quả mai (mơ) đã chín rồi đấy!
Câu nói đó là bằng chứng ấn khả mà Mã Tổ ban cho Đại Mai.

Câu chuyện thiền trên thật có ý nghĩa và chúng ta sẽ có dịp đào sâu sau. Còn bây giờ, nếu không làm phiền quý vị, xin trình bày một chuyện khác. Người góp mặt trong chuyện là Bảng Cư sĩ, kể về sau trở thành đại cư sĩ trong thiên hạ, vốn có duyên với cửa Mã Tổ, đã từ xa xôi đến gặp Đại Mai.

Bảng cư sĩ hỏi:

-Lâu năm ái mộ danh tiếng hòa thượng Đại Mai. Dám hỏi quả mai (mơ) đã chín chưa?

Đại Mai:

-Vừa chín tới nơi. Thế ông ăn nó kiểu nào?.

-Cắn lấy rồi nhai cho nó nát nhừ ra.

Đại Mai chìa tay ra:

-Nếu thế trả hạt lại ta nhé!

Bảng cư sĩ không biết đáp thế nào, đành lặng thinh. Lúc đó, mới biết người tầm cỡ như Bảng cư sĩ mà cũng chưa thực thấu triệt lẽ đạo⁸⁰.

Do đó, người như Hòa Thượng Đại Mai, một khi thấu hiểu “Tâm, ấy là Phật” đã áp dụng điều đó ngay trong sinh hoạt thường nhật, và cứ thế mà là Phật. Thiền Sư Nhật Bản Dôgen (Đạo Nguyên) cũng nói: “Uy nghi tức Phật Pháp. Tác pháp thị tôn chỉ”, cho nên mặc áo, ăn cơm cũng là thiền. Rồi Phật ngữ, làm những Phật hành trong cuộc sống là những “máy động” của Phật vậy.

Dầu nói thế, hãy còn một sự dị biệt, dù nó chỉ nhỏ bằng sợi lông thỏ. Ấy là, những ai hiểu được “tức tâm tức Phật”, “chúng sinh bản lai Phật”, có “quan niệm ngộ” rồi, vẫn không có quyền chễm chệ trong việc “thực tham thực cứu”. Như thiền sư Nhật Bản Hakuin (Bạch Ẩn) có đề cập đến, người ta thường mắc lầm lẫn rơi vào vòng của cái gọi là “vô sự bất sinh thiền” (thiền theo lối vô sự bất sinh). Có lẽ trong ý nghĩa đó, Vô Môn mới phê bình Hòa Thượng Đại Mai đã đưa người ta đến ngộ nhận. Tuy nhiên đây cũng là kiểu nói đùa bỡn (niêm lộng) của nhà thiền chứ thực ra ông xem lời chỉ bảo (thùy thị) ấy của Đại Mai hết sức quý giá.

HẾT PHẦN III

⁸⁰ Phải chăng Bảng cư sĩ không hiểu rằng đạo như quả mơ, dù có chín hũn vẫn còn cái هست (không ai có thể tự phụ đạt đạo) và không phải dễ nuốt (truyền đạt) như thế. Xin thỉnh giáo! (LND).